

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2008/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 12 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học
ngành giáo dục và đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2004/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng nhân dân huyện Cần Giờ tại kỳ họp lần thứ 2 - Hội đồng nhân dân huyện khóa IX “Về việc thông qua điều chỉnh quy hoạch chung huyện Cần Giờ đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 4821/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ;

Căn cứ Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng đợt 1 năm 2008 nguồn vốn ngân sách tập trung;

Căn cứ Công văn số 2154/SQHKT-QHC&HT ngày 13 tháng 6 năm 2008 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố về ý kiến góp ý về quy hoạch chi tiết mạng lưới trường học huyện Cần Giờ;

Căn cứ Công văn số 1833/GDDĐT-KHTC ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố về thỏa thuận quy hoạch chi tiết mạng lưới trường học huyện Cần Giờ đến năm 2020;

Xét Công văn số 183/CV-QLDA ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện Cần Giờ về giải trình ý kiến đóng góp của Sở Quy hoạch - Kiến trúc cho đề án quy hoạch mạng lưới trường học trên địa bàn huyện Cần Giờ;

Xét Tờ trình số 152/TTr-QLDA ngày 11 tháng 9 năm 2008 của Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện Cần Giờ về đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020 và Tờ trình số 220/TTr-CT ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Phòng Công Thương huyện Cần Giờ về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020;

Xét hồ sơ quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020 do Công ty Cổ phần Kiến trúc Đồng Nhân lập,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020 với các nội dung chính sau đây:

1. Quy mô đề án:

Toàn huyện có 70.421,6ha đất tự nhiên, dân số (năm 2007) là 69.166 người, định hướng đến năm 2020 là 300.000 người. Diện tích đất dành cho mạng lưới giáo dục 119,079ha (định mức 15m² đất/học sinh theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020).

2. Mục tiêu của đồ án:

Làm cơ sở cho việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo của huyện đến năm 2020 theo định hướng chung của thành phố. Đồng thời làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ triển khai kế hoạch đầu tư phát triển và chủ động dành quỹ đất cho ngành giáo dục trên địa bàn huyện và xác định yêu cầu về quy mô quỹ đất của các điểm trường học trong hệ thống mạng lưới giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện, quy mô về vốn xây dựng trong tổng thể quy hoạch phát triển của huyện.

3. Nội dung chính của đồ án:

Đồ án quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020 được thực hiện trên cơ sở diện tích tự nhiên của huyện Cần Giờ là 70.421,6ha gồm 06 xã và 01 thị trấn. Dân số toàn huyện năm 2007 là 69.166 người, dự kiến đến năm 2010 khoảng 100.000 người, năm 2015 khoảng 200.000 người, năm 2020 là 300.000 người.

4. Các chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2020:

a) Các chỉ tiêu cơ bản:

STT	CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	MẦM NON	TIỂU HỌC	THCS	THPT
1	Tỷ lệ huy động	%	70	100	100	80
2	Hệ số vòng quay		1	1	1	1
3	Tỷ lệ huy động và phân luồng	%	100 tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo	100 học sinh tiểu học học 2 buổi	100 học sinh TH kỹ thuật nghiệp vụ	30 TH hướng nghiệp và có kỹ năng lao động
4	Số phòng học 1 cơ sở	Phòng	20	30	45	45
5	Số học sinh /phòng học	hs/phòng	25	35	45	45
6	Diện tích đất cho một chỗ học	m ² /chỗ	15	15	15	15
7	Bán kính phục vụ		Đơn vị ở	Xã	Xã	Liên xã

b) *Hiện trạng học sinh và mạng lưới giáo dục năm 2007:*

- Dân số: 69.166 người
- Số học sinh các cấp học: 15.373 học sinh
- Diện tích đất giao cho giáo dục: 297.660,5m²
- Số cơ sở giáo dục: 54 cơ sở
- Số phòng học: 522 phòng

c) *Quy hoạch định hướng đến năm 2010:*

Cấp học	2010			
	Số học sinh	Diện tích đất	Số cơ sở	Số phòng học
Mầm non	5.587	83.805	11	224
Tiểu học	7.988	119.820	8	229
THCS	7.165	107.475	3	160
THPT	3.911	58.665	2	87
Tổng cộng	24.651	369.765	24	700

d) *Quy hoạch định hướng đến năm 2015:*

Cấp học	2015			
	Số học sinh	Diện tích đất	Số cơ sở	Số phòng học
Mầm non	13.702	205.530	28	547
Tiểu học	15.918	238.773	15	454
THCS	14.951	224.260	7	332
THPT	7.697	115.455	4	170
Tổng cộng	52.268	784.018	54	1.503

e) Quy hoạch định hướng đến năm 2020:

Cấp học	2020			
	Số học sinh	Diện tích đất	Số cơ sở	Số phòng học
Mầm non	20.852	312.780	41	835
Tiểu học	23.922	358.830	23	684
THCS	22.369	335.535	12	497
THPT	12.243	183.645	6	271
Tổng cộng	79.386	1.190.790	82	2.287

g) Chi tiết về số học sinh, diện tích, cơ sở, phòng học cho từng xã và thị trấn như sau:

- Thị trấn Cần Thạnh:

Cấp học	Diện tích đất			Số học sinh			Số cơ sở			Số phòng học		
	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020
Mầm non	13.455	33.930	52.035	897	2.262	3.469	2	5	7	36	90	139
Tiểu học	17.550	39.420	59.700	1.170	2.628	3.980	1	3	4	33	75	114
THCS	13.860	37.020	55.815	924	2.468	3.721	0	1	2	21	55	83
THPT	6.930	19.050	30.570	462	1.270	2.038	0	1	1	10	28	45
Tổng cộng	51.795	129.420	198.120	3.453	8.628	13.208	3	10	14	100	248	381

- Xã Long Hòa:

Cấp học	Diện tích đất			Số học sinh			Số cơ sở			Số phòng học		
	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020
Mầm non	17.880	49.680	77.130	1.192	3.312	5.142	2	7	10	48	132	206

Tiểu học	18.015	57.720	88.830	1.201	3.848	5.922	1	4	6	34	110	169
THCS	16.215	54.210	83.190	1.081	3.614	5.546	1	2	3	24	80	123
THPT	8.535	27.915	46.035	569	1.861	3.069	1	1	2	13	41	68
Tổng cộng	60.645	189.525	295.185	4.043	12.635	19.679	5	14	21	119	363	566

- Xã Lý Nhơn:

Cấp học	Diện tích đất			Số học sinh			Số cơ sở			Số phòng học		
	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020
Mầm non	5.085	16.680	24.555	339	1.112	1.637	1	2	3	14	44	65
Tiểu học	11.970	19.380	27.780	798	1.292	1.852	1	1	2	23	37	53
THCS	10.590	18.195	25.845	706	1.213	1.723	0	1	1	16	27	38
THPT	4.860	9.375	13.635	324	625	909	0	0	0	7	14	20
Tổng cộng	32.505	63.630	91.815	2.167	4.242	6.121	2	4	6	60	122	176

- Xã An Thới Đông:

Cấp học	Diện tích đất			Số học sinh			Số cơ sở			Số phòng học		
	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020
Mầm non	9.630	29.070	44.310	642	1.938	2.954	1	4	6	26	78	118
Tiểu học	24.960	33.780	50.730	1.664	2.252	3.382	2	2	3	48	64	97
THCS	23.370	31.725	47.400	1.558	2.115	3.160	1	1	2	35	47	70
THPT	12.405	16.335	25.815	827	1.089	1.721	0	1	1	18	24	38
Tổng cộng	70.365	110.910	168.255	4.691	7.394	11.217	4	8	12	127	213	323

- Xã Bình Khánh:

Cấp học	Diện tích đất			Số học sinh			Số cơ sở			Số phòng học		
	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020
Mầm non	21.825	60.555	94.425	1.455	4.037	6.295	3	8	13	58	161	252
Tiểu học	28.110	70.350	108.945	1.874	4.690	7.263	2	4	7	54	134	208
THCS	27.735	66.075	102.075	1.849	4.405	6.805	0	0	1	13	20	27
THPT	17.400	34.005	56.715	1.160	2.267	3.781	1	1	2	26	50	84
Tổng cộng	95.070	230.985	362.160	6.338	15.399	24.144	6	13	23	151	365	571

- Xã Tam Thôn Hiệp:

Cấp học	Diện tích đất			Số học sinh			Số cơ sở			Số phòng học		
	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020
Mầm non	10.140	12.240	17.490	676	816	1.166	1	2	2	27	33	47
Tiểu học	11.565	14.205	19.560	771	947	1.304	1	1	1	22	27	37
THCS	9.000	13.350	18.120	600	890	1.208	0	0	1	13	20	27
THPT	5.145	6.870	9.285	343	458	619	0	0	0	8	10	14
Tổng cộng	35.850	46.665	64.455	2.390	3.111	4.297	2	3	4	70	90	125

- Xã Thạnh An:

Cấp học	Diện tích đất			Số học sinh			Số cơ sở			Số phòng học		
	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020	2010	2015	2020
Mầm non	5.790	3.375	2.835	386	225	189	1	0	0	15	9	8

Tiêu học	7.650	3.918	3.285	510	261	219	0	0	0	15	7	6
THCS	6.705	3.685	3.090	447	246	206	0	0	0	10	5	5
THPT	3.390	1.905	1.590	226	127	106	0	0	0	5	3	2
Tổng cộng	23.535	12.883	10.800	1.569	859	720	1	0	0	45	24	21

g) Các cấp học khác có trường dự kiến xây mới với diện tích từ 01ha đến 10ha.

- 01 Trung tâm dạy nghề tại xã Bình Khánh.
- 01 Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp tại xã An Thới Đông.
- 02 Phân hiệu Trung tâm Giáo dục thường xuyên tại xã Lý Nhơn và xã Tam Thôn Hiệp.
- Làng đại học tại xã Bình Khánh (khoảng 400ha).

5. Các giải pháp phát triển mạng lưới ngành giáo dục và đào tạo:

a) Giải pháp về đất:

- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường học ngành giáo dục theo từng giai đoạn.
- Phát triển đồng bộ mạng lưới trường học theo đúng quy hoạch chi tiết trên địa bàn huyện, các trường học xây dựng mới phải đạt chuẩn.
- Đầu tư nâng cấp các trường học hiện hữu.

b) Giải pháp về nguồn vốn:

- Đẩy nhanh tiến trình xã hội hóa giáo dục, phát huy các nguồn lực trong nhân dân.
- Đẩy nhanh việc lập dự án đầu tư để tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách.
- Tranh thủ các nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay có lãi suất thấp, nguồn vốn do phát hành trái phiếu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Phòng Công Thương phối hợp với chủ đầu tư được giao lập đồ án quy hoạch chung và các quy hoạch chi tiết để lập quy hoạch chung và các quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường học ngành giáo dục.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường lập

quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng trường học phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường học theo từng giai đoạn.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân huyện quyết định nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách để đầu tư xây dựng các công trình trường học theo quy định.

- Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với các Sở, ngành đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn đầu tư xây dựng các công trình trường học theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch chi tiết, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cắm mốc và quản lý các mặt bằng đã quy hoạch.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Trưởng Phòng Công Thương, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện Cần Giờ và các phòng, ban liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hiệp